TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS - ST.
Ngày: 11- 5 - 2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Lê Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST - DS, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Số X Đường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Lê Hoàng P, Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng T - Chi Nhánh T theo ủy quyền số 721/2022/GUQ ngày 20/09/2022 của Giám đốc Ngân hàng T - Chi Nhánh T; địa chỉ: Ngân hàng T – Chi Nhánh T: 37 Đường X, Khu dân cư Đ, Phường Z, thành phố T, Tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Cái Quanh, xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 11/10/2022 của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hoàng Phong trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 202125965697 ngày 25/01/2021, Giấy nhận nợ số LD2102500469, Ngân hàng T - Chi nhánh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Trần Văn T vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để mua xe ô tô, thời hạn vay: 60 tháng; phương thức trả nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo phụ lục về lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng này hoặc đính kèm theo từng giấy nhận nợ tương ứng, lãi suất 12 tháng đầu tiên là 9.7%/năm, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm các nhân VNĐ 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 2,85%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là không bắt buộc, thời hạn trả hết nợ là ngày 25/01/2026.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên giữa Ngân hàng và ông Trần Văn T ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 202101191641345 ngày 25/01/2021, theo hợp đồng ông T thế chấp tài sản là: Một chiếc xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, số khung: MHKM5FF3VLK000779, số máy: 2NRF995911, biển kiểm soát số: 83A – 112.36 được công chứng thế chấp ngày 25/01/2021 tại Văn phòng công chứng X và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/01/2021.

Do ông Trần Văn T vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính ngày 11/5/2023 là 387.683.067 đồng (trong đó vốn gốc là 346.560.000 đồng, lãi là 41.123.067 đồng (lãi trong hạn 34.897.009 đồng, lãi quá hạn 4.690.243 đồng và lãi phạt 1.535.815 đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 12/5/2023 cho đến khi ông Trần Văn T trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà ông T đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

- Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong

hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 346.560.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/5/2023 là 41.123.067 đồng; tổng cộng là 387.683.067 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc; trường hợp ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc của hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi ông T hoàn trả xong nợ gốc. Trường hợp ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Trần Văn T hiện cư trú tại ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho việc ông T có vay tiền, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng tín dụng số 202125965697 ngày 25/01/2021, các điều khoản chung về cấp tín dụng ngày 25/01/2021, giấy nhận nợ số LD2102500469 ngày 25/01/2021, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202125965697/01 ngày 23/04/2021, các chứng cứ nêu trên đều có có chữ ký của ông Trần Văn T ở bên được cấp tín dụng và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định ông Trần Văn T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng. Theo phụ lục lịch trả nợ và bảng tính lãi tiền vay do Ngân hàng cung cấp thể

hiện sau khi vay ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 153.440.000 đồng, lần cuối cùng trả vào ngày 22/8/2022. Do đó, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Mục 2 của các điều khoản chung về cấp tín dụng và hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu thu hồi nợ trước hạn và buộc bị đơn ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn lại là 346.560.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu tính lãi và phạt vi phạm hợp đồng thì theo Điều 3 của hợp đồng đã ký kết nêu trên Ngân hàng và ông Trần Văn T đã giao kết mức lãi suất cho vay là 12 tháng đầu tiên là 9.7%/năm. Lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau (nếu có), lãi suất do ngân hàng Sacombank xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm các nhân VNĐ 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng + (cộng) biên độ 2,85%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là không bắt buộc nên ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, ông T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 25/5/2022 đến ngày 11/5/2023 là 41.123.067 đồng (trong đó lãi trong hạn là 34.897.009 đồng, lãi quá hạn là 4.690.243 đồng và lãi phạt là 1.535.815 đồng).

Như vậy, bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng dư nợ tính đến ngày 11/5/2023 số tiền gốc là 346.560.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/5/2023 là 41.123.067 đồng; tổng cộng là 387.683.067 đồng; ông Trần Văn T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 12/5/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng thế chấp tài sản số 202125965697 ngày 25/01/2021 để thế chấp cho Ngân hàng tài sản là: Một chiếc xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, số khung: MHKM5FF3VLK000779, số máy: 2NRF995911, biển kiểm soát số: 83A – 112.36 được công chứng thế chấp ngày 25/01/2021 tại

Văn Phòng Công Chứng X thì hợp đồng nêu trên có chữ ký của ông T ở mục bên thế chấp và sau khi ký kết hợp đồng thì các bên có đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/01/2021 theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định ông Trần Văn T đã tự nguyện dùng tài sản của mình là một chiếc xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, số khung: MHKM5FF3VLK000779, số máy: 2NRF995911, biển kiểm soát số: 83A – 112.36 thuộc sở hữu của ông Trần Văn T đối với tài sản nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn T. Mặt khác về nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn Trần Văn T có nghĩa vụ giao lại một chiếc xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, số khung: MHKM5FF3VLK000779, số máy: 2NRF995911, biển kiểm soát số: 83A – 112.36 mà ông T đang quản lý, sử dụng để phát mãi tài sản khi Ngân hàng có yêu cầu.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ chịu 19.384.153 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[2] Buộc bị đơn ông Trần Văn T hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T dư nợ tính đến ngày 11/5/2023 với số tiền vay gốc là 346.560.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), tiền lãi là 41.123.067 đồng (bốn mươi mốt triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng); tổng cộng là 387.683.067 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng) và ông T còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 12/5/2023 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Sau khi ông Trần Văn T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông T.

[3] Trường hợp bị đơn ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng T thì buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm giao trả lại chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số khung: MHKM5FF3VLK000779, số máy: 2NRF995911, biển kiểm soát số: 83A – 112.36 đã được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 19/01/2021 đứng tên ông Trần Văn T cho nguyên đơn Ngân hàng T để xử lý, phát mãi thu hồi nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn T có nghĩa vụ chịu 19.384.153 đồng (mười chín triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn một trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 8.974.000 đồng (tám triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004525 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P KTNV&THA);
- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh